

Sự phát triển của lý thuyết quan hệ quốc tế

Hoàng Khắc Nam^(*)

Tóm tắt: *Lý thuyết Quan hệ quốc tế (QHQT) là tập hợp quan điểm tương đối bao quát về QHQT trên cơ sở lý luận chung. Trong nghiên cứu QHQT, có nhiều lý thuyết và cách phân loại lý thuyết khác nhau. Nhìn chung, các lý thuyết này đều có năm mục đích chính là: Khái quát và mô tả thực tiễn QHQT, tìm hiểu bản chất QHQT, giải thích các hiện tượng QHQT, dự báo và hướng dẫn hành động.*

Việc nghiên cứu QHQT đã xuất hiện từ lâu nhưng các lý thuyết QHQT được hình thành khá muộn. Trước thế kỷ XX, chưa có lý thuyết QHQT nào được định hình rõ rệt mà thường chỉ là các quan điểm lẻ tẻ và chưa được hệ thống. Sau thế kỷ XX và nhất là sau năm 1945, các lý thuyết QHQT đã có sự phát triển mạnh mẽ và khá đa dạng. Sự phát triển này vẫn được tiếp tục thời kỳ sau Chiến tranh Lạnh.

Trên cơ sở trình bày và xem xét quá trình hình thành và phát triển của lý thuyết QHQT, bài viết đưa ra một số nhận xét như: Các lý thuyết QHQT đều ra đời từ phương Tây và phát triển cũng chủ yếu ở phương Tây; Việc xây dựng các lý thuyết QHQT đều được xây dựng trên cơ sở khoa học; Các lý thuyết QHQT đều có xu hướng phát triển theo hướng liên ngành, đa ngành; Việc xây dựng lý thuyết QHQT không chỉ nhằm giải thích quá khứ, hướng dẫn hành động trong hiện tại mà còn để dự báo tương lai; Hầu hết các lý thuyết QHQT ra đời trước năm 1945 đều dựa trên quan điểm duy vật và chú ý đến tính quy luật trong sự vận động QHQT; Việc phát triển lý thuyết QHQT thường đi kèm với tư duy phê phán và sự tranh luận; Việc ứng dụng lý thuyết QHQT khá phổ biến ở các nước phát triển trong khi điều này có phần hạn chế hơn ở các nước đang phát triển.

Từ khóa: Lý thuyết, Quan hệ quốc tế

Lý thuyết QHQT là tập hợp quan điểm tương đối bao quát về QHQT trên cơ sở lý luận chung. Tuy nhiên, trong nghiên cứu QHQT, còn có các thuật ngữ khác như hệ quy chiếu (*paradigms*), cách nhìn (*perspectives*), trường phái tư duy (*schools of thought*), ý

tưởng (*images*), truyền thống tư duy (*traditions*),... mà nhiều khi “chúng có thể được gọi chung là lý thuyết” (Scott Burchill, Richard Devetak, Andrew Linklater, Matthew Paterson, Christian Reus-smith & Jacqui True, 2005: 11). Nhưng theo chúng tôi, các thuật ngữ trên chỉ nên được gọi là lý thuyết khi đáp ứng được hai điểm: Một là, nội dung phải có sự cơ bản và tương đối bao quát, giải thích được những vấn đề chủ yếu của

^(*) PGS.TS., Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: hknam84@yahoo.com

lĩnh vực và nhiều vấn đề khác. Hai là, cơ sở lý luận của nó phải chứa đựng cả bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận, tức là tương đối hệ thống đủ để giải quyết các vấn đề trên. Nếu không, chúng chỉ nên được coi là những lý luận về vấn đề nào đó và cùng thuộc phạm trù “lý thuyết” nhưng không phải là những lý thuyết QHQT cụ thể.

Trong nghiên cứu QHQT, do sự chưa thống nhất về cách hiểu lý thuyết và lý luận, nên vẫn có những cách phân loại khác nhau về lý thuyết QHQT. Hiện nay đang tồn tại ít nhất bốn cách phân loại chính. *Cách phân loại thứ nhất* dựa trên tiêu chí chủ yếu là tầm ảnh hưởng trong nghiên cứu và vận dụng thực tiễn. Cách này cho rằng chỉ có hai lý thuyết QHQT là Chủ nghĩa Hiện thực (Realism) và Chủ nghĩa Tự do (Liberalism). *Cách phân loại thứ hai* dựa trên tiêu chí quan niệm khác nhau về chủ thể QHQT. Theo cách phân loại này, có ba lý thuyết QHQT là Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Đa nguyên (Pluralism) và Chủ nghĩa Toàn cầu (Globalism) (Xem: Paul R. Vioti & Mark V. Kaupi, 2001). *Cách phân loại thứ ba* dựa trên bản thể luận, có bốn lý thuyết QHQT bao gồm Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do, Chủ nghĩa Marx (Marxism) và Chủ nghĩa Kiến tạo (Constructivism). Cách phân loại thứ tư dựa trên cách tiếp cận tới QHQT, bao gồm bốn lý thuyết trên và một số lý thuyết khác như Chủ nghĩa Vị nữ (Feminism), Chính trị Xanh (Green Politics), Lý thuyết Phê phán (Critical Theory), Chủ nghĩa Hậu hiện đại (Postmodernism). Cũng trong *cách phân loại thứ tư* này, có người đưa Trường phái Anh vào, có người không coi Chính trị Xanh (Xem: Reus-Smit, Christian, 2011) hoặc Chủ nghĩa Hậu hiện đại (Xem: Martin Griffiths, 2007) nằm trong hệ thống lý thuyết QHQT. Có người còn đưa

thêm Chủ nghĩa Hậu thực dân (Postcolonialism) vào như một lý thuyết QHQT mới (Xem: Martin Griffiths, 2007) hay Chủ nghĩa Cấu trúc (Structuralism) như tập hợp quan điểm của Chủ nghĩa Marx (Xem: Jill Steans & Lloyd Pettiford, 2005)...

Cho dù vẫn còn có sự đa dạng ý kiến như vậy, lý thuyết vẫn là rất cần thiết trong nghiên cứu và thực thi QHQT. Với ý nghĩa lý thuyết QHQT như vậy, bài viết sẽ trình bày một số vấn đề liên quan đến chủ đề này. Các vấn đề bao gồm: Mục đích của lý thuyết QHQT, quá trình hình thành và phát triển của lý thuyết QHQT, trên cơ sở đó, bài viết sẽ đưa ra một số nhận xét về quá trình này.

Mục đích của lý thuyết quan hệ quốc tế

Có nhiều ý kiến khác nhau về mục đích của lý thuyết QHQT. Scott Burchill và Andrew Linklater đã tổng hợp ý kiến của các học giả và nhiều trường phái lý thuyết khác nhau về mục đích của lý thuyết QHQT. Các ý kiến này là:

- Lý thuyết phân tích và cố gắng làm rõ việc sử dụng các khái niệm như cân bằng quyền lực chẳng hạn. Đây là ý kiến của Butterfield và Wight năm 1966.

- Lý thuyết giải thích các quy luật của chính trị quốc tế hay những mẫu hình thường có của hành vi quốc gia. Đây là quan điểm của Kenneth Waltz năm 1979.

- Lý thuyết sử dụng các dữ liệu có tính kinh nghiệm để kiểm tra các giả thuyết về thế giới như sự loại trừ chiến tranh giữa các quốc gia dân chủ-tự do. Đây là ý kiến của Doyle năm 1983.

- Lý thuyết cố gắng hoặc giải thích và dự báo hành vi, hoặc để hiểu về thế giới “trong đầu” của các chủ thể QHQT. Đây là ý kiến của Hollis và Smith năm 1990.

- Lý thuyết truyền thống suy xét về quan hệ giữa các quốc gia, trong đó tập

trung vào cuộc đấu tranh vì quyền lực, bản chất của xã hội quốc tế và khả năng của một cộng đồng thế giới. Đây là quan điểm của Wight năm 1991.

- Lý thuyết phê phán các hình thức của sự thống trị và các cách nhìn vốn được kiến tạo về mặt xã hội và có khả năng thay đổi thì lại dường như là tự nhiên và không thể thay đổi. Đây là quan điểm của những người theo trường phái Lý thuyết Phê phán.

- Lý thuyết phản ánh về việc thế giới cần được tổ chức như thế nào và cách thức các nhận thức khác nhau về nhân quyền hay công bằng xã hội toàn cầu được kiến tạo và bảo vệ. Đây là quan điểm của những người ủng hộ đạo đức quốc tế.

- Lý thuyết phản ánh quá trình tự lý thuyết hóa, chúng phân tích các đòi hỏi có tính nhận thức luận về việc con người hiểu biết thế giới như thế nào, phân tích các đòi hỏi có tính bản thể luận về những gì sau cùng đã cấu thành nên thế giới. Đây là quan điểm của lý thuyết cấu thành (constitutive theory) (Xem: Scott Burchill, Richard Devetak, Andrew Linklater, Matthew Paterson, Christian Reus-smit & Jacqui True, 2005: 11-12).

Nhìn chung, các ý kiến trên đây đều chưa phản ánh được đầy đủ mục đích của lý thuyết QHQT. Chúng ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của từng trường phái lý thuyết mà học giả theo đuổi hơn là ý kiến chung về lý thuyết QHQT. Vì thế, chúng khó trở thành đại diện cho mục đích của các lý thuyết QHQT nói chung. Có thể nói, mục đích của lý thuyết QHQT cũng nằm trong mục đích của lý thuyết nói chung và được vận dụng cụ thể vào trong nghiên cứu QHQT. Theo chúng tôi, lý thuyết QHQT có những mục đích chính sau đây:

Thứ nhất, đó là *mục đích khái quát và mô tả thực tiễn QHQT*. Thậm chí, còn có

cả “cách nhìn coi lý thuyết như một phần cấu thành nên thực tế quan hệ quốc tế đó” (Dẫn theo: Scott Burchill, Richard Devetak, Andrew Linklater, Matthew Paterson, Christian Reus-smit & Jacqui True, 2005: 3). Các lý thuyết QHQT đều được xây dựng trên cơ sở đúc kết từ thực tiễn. Ngay kể cả những lý thuyết có tính tiên nghiệm cao cũng được căn cứ nhiều vào các xu hướng hay vấn đề đang nổi lên trong thực tiễn. Thực tiễn chính là cơ sở quan trọng để hình thành nên lý thuyết QHQT. Không chứa đựng thực tiễn thì lý thuyết sẽ là phi thực tiễn và không được chứng minh. Rõ ràng, lý thuyết chính là sự phản ánh thực tiễn một cách khái quát. Cho nên, nắm được lý thuyết là giúp nắm được thực tiễn. Ngay cả Chủ nghĩa Lý tưởng - một trường phái của Chủ nghĩa Tự do - đã từng bị coi là không tưởng (utopia), nhưng có không ít quan điểm, ý tưởng và giải pháp của nó vẫn được hiện diện nhiều trong thực tiễn. Tuy nhiên, ở đây có hai điều cần lưu ý. Một là, các lý thuyết QHQT khác nhau thường khái quát và mô tả thực tiễn không hoàn toàn giống nhau. Hai là, trong số các lý thuyết QHQT, có lý thuyết cố gắng khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử QHQT như Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do, nhưng cũng có lý thuyết chỉ tập trung vào những giai đoạn lịch sử nào đó như Chủ nghĩa Marx hay Chính trị Xanh chẳng hạn.

Thứ hai, đó là *mục đích tìm hiểu bản chất QHQT*. Mọi lý thuyết QHQT đều hướng tới việc tìm hiểu và xác định bản chất của QHQT. Các quan điểm và nguyên tắc trong lý thuyết cùng với bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận của chúng đều được xây dựng nhằm hướng tới việc xác định bản chất QHQT. Đây có lẽ là

mục đích thuộc loại quan trọng nhất của lý thuyết QHQT mà có thể ví như lý do tồn tại (rationale) của các lý thuyết QHQT. Về mặt nào đó, các lý thuyết QHQT chính là những cách lý giải bản chất QHQT khác nhau. Trên thực tế, các lý thuyết QHQT đều cố gắng làm công việc này. Tuy nhiên, có lý thuyết cố gắng giải thích toàn bộ bản chất QHQT, tất nhiên là theo góc nhìn riêng của mình như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do hay Chủ nghĩa Marx. Nhưng còn có những lý thuyết QHQT đi tìm những vấn đề hay yếu tố đang làm thay đổi bản chất của QHQT để từ đó xác định lại bản chất QHQT như Chủ nghĩa Kiến tạo, Chủ nghĩa Vị nữ, Chính trị Xanh. Hay có những lý thuyết thiên về việc nêu những bất cập của các lý thuyết khác về bản chất QHQT và yêu cầu xác định lại bản chất QHQT như Lý thuyết Phê phán hay Chủ nghĩa Hậu hiện đại...

Thứ ba, đó là mục đích giải thích. Steve Smith cho rằng “lý thuyết nhằm tìm kiếm việc đưa ra các lý do có tính giải thích về quan hệ quốc tế” (Dẫn theo: Scott Burchill, Richard Devetak, Andrew Linklater, Matthew Paterson, Christian Reusmit & Jacqui True, 2005: 3). Bản thân mỗi lý thuyết QHQT là một cách giải thích QHQT khác nhau. Đồng thời, các lý thuyết QHQT đều cố gắng giải thích về các hiện tượng khác nhau trong QHQT. Bên trong các lý thuyết QHQT đều chứa đựng bản thể luận, nhận thức luận và phương pháp luận giúp giải thích các hiện tượng QHQT. Việc tìm hiểu bản chất QHQT như mục đích thứ hai cũng là nhằm cung cấp cái cốt lõi để từ đó giúp giải thích các hiện tượng QHQT vốn đa dạng và phức tạp từ cái bản chất này. Nếu không giải thích được nhiều hiện tượng QHQT, các lý thuyết sẽ khó tồn tại

hoặc nếu có tồn tại thì chúng chỉ là những lý luận đơn lẻ mà không trở thành lý thuyết được. Như trong khái niệm lý thuyết QHQT đã đề cập ở trên, phải có khả năng giải thích được các hiện tượng QHQT một cách tương đối bao quát thì đó mới là lý thuyết QHQT. Như vậy, lý thuyết QHQT là phương tiện quan trọng giúp chúng ta giải thích các hiện tượng khác nhau trong QHQT. Tất nhiên, cũng như trên, các lý thuyết này giải thích các hiện tượng QHQT khác nhau đã đành, mà phạm vi giải thích cũng có sự quan tâm khác nhau cả về phạm vi thời gian cũng như phạm vi vấn đề. Có những lý thuyết cố gắng mưu tìm sự giải thích rộng lớn như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do. Có những lý thuyết chỉ hướng tới giải thích trong phạm vi hạn hẹp hơn cả về thời gian và vấn đề như Chủ nghĩa Vị nữ, Chính trị Xanh...

Thứ tư, đó là mục đích dự báo. Giống như các lý thuyết khoa học nói chung trong KHXH&NV, các lý thuyết QHQT đều cố gắng đi tìm tính quy luật trong QHQT bên cạnh việc tìm hiểu bản chất QHQT. Việc tìm hiểu tính quy luật này thường được thể hiện trên hai quy mô. Trên quy mô rộng, đó là việc xác định các xu hướng vận động xuyên thời gian và phổ quát về không gian của QHQT. Trên quy mô hẹp, đó là việc xác định các mẫu hình quan hệ tương đối phổ biến về mặt thời gian nhưng chỉ trong những hoàn cảnh và điều kiện nhất định. Đây là cái tựa như những định luật và công thức trong khoa học tự nhiên nhưng tất nhiên mức độ chặt chẽ và tính tuyệt đối là thấp hơn nhiều. Việc tìm tòi phát hiện tính quy luật và những mẫu hình quan hệ tương đối phổ biến không chỉ giúp giải thích mà còn giúp dự báo. Nếu tính quy luật giúp dự báo sự vận động của QHQT nói chung, thì

các mẫu hình quan hệ giúp dự báo QHQT trong những trường hợp hay tình huống cụ thể. Đây là việc các lý thuyết QHQT đều cố gắng làm. Tất cả các lý thuyết QHQT đều đưa ra dự báo về tương lai của QHQT thế giới và những mẫu hình quan hệ dựa trên góc nhìn của mình. Thậm chí, có những lý thuyết có tính tiên nghiệm cao còn tập trung nhiều hơn cho việc dự báo QHQT tương lai như Chính trị Xanh là một ví dụ điển hình.

Thứ năm, đó là mục đích hướng dẫn hành động. Các lý thuyết QHQT được nghiên cứu và xây dựng không chỉ để đáp ứng nhu cầu hiểu biết, mà còn để áp dụng trong thực tiễn. Không đáp ứng được mục đích này, lý thuyết không có giá trị thực tiễn và sẽ bị chết yểu. Các mục đích khác của lý thuyết cũng đều nhằm hướng tới thực hiện mục đích này. Tìm hiểu bản chất, giải thích các vấn đề trong QHQT hay dự báo đều nhằm giúp nắm bắt thực tế, đề ra các nguyên tắc hành động và xây dựng các chính sách hay giải pháp cho hoạt động thực tiễn. Không những thế, trong các lý thuyết QHQT đều chứa đựng phương pháp luận và phương pháp vốn là những nguyên tắc để hướng dẫn hành động cả trong nghiên cứu lẫn trong thực tiễn. Đây là mục đích quan trọng của lý thuyết khi làm nên giá trị thực tiễn của lý thuyết. Trên thực tế, tất cả các lý thuyết QHQT đều có mục đích này và đều có khả năng hướng dẫn hành động một cách khả thi. Tuy nhiên, ở đây cũng có điều cần lưu ý. Do thực tiễn rất đa dạng và luôn biến động nên có lý thuyết có tính hướng dẫn hành động cao trong trường hợp này nhưng lại không thích hợp trong trường hợp khác. Tương tự như vậy, có lý thuyết hướng dẫn hành động phù hợp trong giai đoạn này nhưng lại không thích

hợp trong giai đoạn khác. Và nói chung, chẳng có lý thuyết nào có khả năng hướng dẫn hành động tốt trong mọi trường hợp, mọi giai đoạn.

Quá trình hình thành và phát triển của lý thuyết quan hệ quốc tế

Bởi sự chi phối quá lớn của QHQT đối với cuộc sống của con người và vận mệnh quốc gia, việc nghiên cứu QHQT đã xuất hiện từ lâu. Những ý tưởng và tác phẩm thành văn đầu tiên liên quan đến QHQT xuất hiện ở cả phương Tây và phương Đông từ 400-500 năm trước Công nguyên. Trước thế kỷ XX, việc nghiên cứu này vẫn tản mạn và thiếu hệ thống. Chưa có lý thuyết QHQT nào được định hình rõ rệt mà thường chỉ là các quan điểm lẻ tẻ của các tác giả như Thucydides, Nicollo Machiavelli, Fransisco de Victoria, Thomas Hobbes, Hugo Grotius, Jeremy Bentham, John Locke, America de Vatteli, Immanuel Kant, Jean Jacques Rousseau... Các nghiên cứu của các tác giả này đã cung cấp nhiều luận điểm quan trọng để hình thành nên cơ sở cho sự ra đời và phát triển các lý thuyết QHQT sau này. Từ thời cận đại trở về trước, nghiên cứu lý thuyết QHQT chủ yếu đi theo hai xu hướng chính là Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, mặc dù các luận điểm về lý luận QHQT đã tăng lên nhiều hơn nhưng các lý thuyết QHQT theo đúng nghĩa của nó vẫn chưa được hình thành. Điều này xảy ra có phần do sự chưa thực sự phát triển các luận điểm QHQT, phần khác là do KHXH&NV khi đó chưa cung cấp đủ các công cụ lý luận để xây dựng nên các lý thuyết. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là sự đa dạng hóa bắt đầu tăng lên. Bên cạnh sự phát triển các dòng tư duy lý luận của Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do, đã hình thành thêm dòng khác.

Với sự ra đời của Chủ nghĩa Marx, đã xuất hiện thêm một cách lý giải mới về QHQT thế giới.

Nghiên cứu QHQT chỉ thực sự bắt đầu phát triển từ sau Chiến tranh Thế giới I. Sự hình thành môn Chính trị học từ những năm 1880, đặc biệt là ở Mỹ, cùng với những biến đổi QHQT của thế giới thời hậu chiến đã cung cấp thêm nhiều cơ sở khoa học và thực tiễn cho môn QHQT. Cũng trong thời gian này đã xuất hiện tập hợp luận điểm QHQT đầu tiên mà có thể coi là một lý thuyết QHQT dù còn sơ khai và nhiều hạn chế. Đó là Chủ nghĩa Lý tưởng (Idealism) mà sau này được coi là một nhánh trong Chủ nghĩa Tự do.

Sau Chiến tranh Thế giới II, việc nghiên cứu QHQT càng phát triển nhanh và mạnh mẽ. Có thể nói, sau năm 1945, QHQT là một trong những ngành phát triển nhanh nhất. Đây cũng là thời kỳ các lý luận QHQT bắt đầu được hệ thống hóa và phát triển thành lý thuyết mà có thể được gọi là quá trình lý thuyết hóa. Đầu tiên là Chủ nghĩa Hiện thực và tiếp đó là Chủ nghĩa Tự do. Hai lý thuyết này đã trở thành những lý thuyết QHQT tương đối bao quát và được áp dụng nhiều trong thực tiễn cho đến ngày nay. Từ cuối thập niên 1970, các lý thuyết này cũng được điều chỉnh, bổ sung với sự ra đời các trường phái mới là Chủ nghĩa Hiện thực Mới (Neorealism) và Chủ nghĩa Tự do Mới (Neoliberalism). Đồng thời, cũng từ sau năm 1945, xuất hiện trường phái lý thuyết mới dựa nhiều vào tư tưởng của Marx nên được gọi là Chủ nghĩa Mác xít Mới (Neomarxism).

Cũng trong thời gian này, sự đa dạng lý thuyết đã gia tăng nhanh chóng, do có thêm nhiều lý luận khác và cách tiếp cận khác nhau từ các ngành KHXH khác đã được đưa

vào nghiên cứu QHQT như Chủ nghĩa Hành vi (Behavioralism), Chủ nghĩa Lý trí (Rationalism), Lý thuyết Phê phán (Critical Theory), Chủ nghĩa Chức năng (Functionalism), Chủ nghĩa Chức năng Mới (Neo-Functionalism), Chủ nghĩa Đa nguyên, Chủ nghĩa Toàn cầu,...

Sau Chiến tranh Lạnh, các lý thuyết QHQT bước vào thời kỳ nở rộ và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Sự đa dạng trong lý thuyết và lý luận về QHQT tiếp tục được bổ sung thêm những cách tiếp cận và kiến thức mới từ nhiều ngành KHXH&NV. Trên cơ sở đó, hàng loạt lý thuyết và lý luận QHQT mới đã xuất hiện như Chủ nghĩa Kiến tạo, Chủ nghĩa Vị nữ, Chính trị Xanh, Chủ nghĩa Hậu hiện đại (Postmodernism),... Sự phát triển và tính đa dạng này không chỉ xuất phát từ thực tiễn thay đổi của QHQT thế giới mà còn phản ánh sự phát triển của môn học có tính đa ngành và liên ngành này.

Nhìn chung, có thể khái quát sự phát triển của lý thuyết QHQT như một quá trình đi từ vấn đề trung tâm (chiến tranh, xung đột) đến bản chất của QHQT, đi từ những vấn đề của các nước lớn sang mọi vấn đề chung trong QHQT, đi từ những quan niệm lẻ tẻ lên thành những lý thuyết, đi từ nghiên cứu bộ phận lên nghiên cứu tổng thể, đi từ khoa học chính trị sang đa ngành và liên ngành. Bên cạnh đó, có những dấu hiệu khác cũng phản ánh sự phát triển này. Về chủ thể, đó là sự mở rộng từ quan hệ giữa các quốc gia sang quan hệ chằng chéo giữa nhiều loại hình chủ thể khác nhau. Về đối tượng nghiên cứu, đó là sự mở rộng từ các vấn đề an ninh - chính trị sang cả kinh tế, văn hóa, xã hội, các vấn đề toàn cầu... Về đội ngũ nghiên cứu, đó là từ sự tập trung ban đầu ở một số nước lớn như Mỹ, Anh, Pháp,... sang sự hiện diện

của các trung tâm nghiên cứu QHQT ở hầu khắp thế giới hiện nay. Một dấu hiệu nữa của sự phát triển môn QHQT chính là quá trình đi từ nghiên cứu sang bao gồm cả nghiên cứu và đào tạo về lý thuyết QHQT mà nay đã rất phát triển trên toàn thế giới.

Có thể đánh giá tổng quát về quá trình phát triển của lý thuyết QHQT dựa trên cách nhìn của Hedley Bull. Hedley Bull cho rằng có ba làn sóng về lý thuyết: đầu tiên là Chủ nghĩa Lý tưởng hay Chủ nghĩa Tiến bộ (Progressivism) trong những năm 1920 và đầu những năm 1930. Làn sóng thứ hai là Chủ nghĩa Hiện thực từ cuối những năm 1930 và trong những năm 1940. Làn sóng thứ ba diễn ra từ cuối những năm 1970 với sự tham gia của các lý thuyết KHXH.

Mỗi một làn sóng như vậy đều gắn liền với các cuộc tranh luận lớn (Great Debates) giữa các học giả. Các cuộc tranh luận này liên quan đến nhiều vấn đề, trong đó có lý thuyết QHQT.

Cuộc tranh luận lớn đầu tiên là giữa Chủ nghĩa Lý tưởng và Chủ nghĩa Hiện thực diễn ra trong khoảng thời gian 1945-1955. Trước Chiến tranh Thế giới II, Chủ nghĩa Lý tưởng nổi lên như một lý thuyết QHQT chi phối giới nghiên cứu và ảnh hưởng đáng kể đến một số người trong giới hoạch định chính sách mà đáng chú ý nhất là trong cố gắng duy trì Hội Quốc Liên vốn là sáng kiến của nhà Lý tưởng chủ nghĩa - Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson. Tuy nhiên, sự bất lực của Hội Quốc Liên trong việc ngăn chặn Chiến tranh Thế giới II cũng như trong việc giải quyết nhiều cuộc xung đột trước đó đã làm bộc lộ những khiếm khuyết và thậm chí là khủng hoảng của lý thuyết này. Cùng thời gian đó, và nhất là ngay sau năm 1945, Chủ nghĩa Hiện thực bắt đầu nổi lên và thách thức lại Chủ nghĩa

Lý tưởng. Những người theo Chủ nghĩa Hiện thực đã phê phán Chủ nghĩa Lý tưởng trên nhiều vấn đề khác nhau và họ dùng thực tiễn giai đoạn 1918-1945 để chứng minh cho tính “không tưởng” của Chủ nghĩa Lý tưởng. Một trong những điểm của Chủ nghĩa Lý tưởng bị phê phán mạnh nhất là không làm rõ được bản chất QHQT, không phân tích được thực tế của nền chính trị giữa các quốc gia, mà chỉ thiên về việc cần phải làm gì một cách duy ý chí.

Trong cuộc tranh luận này, dường như Chủ nghĩa Hiện thực đã thắng thế. Mặc dù những người ủng hộ Chủ nghĩa Lý tưởng cũng tranh luận lại nhưng “rất khó để có thể tìm thấy những người tự tin tuyên bố rằng mình là người theo Chủ nghĩa Lý tưởng” (David A. Baldwin, 2009: 19). Kết quả là sự định hướng lại trong nghiên cứu lý thuyết theo hướng có tính thực tiễn và khoa học hơn. Một kết quả khác là sự nổi lên của Chủ nghĩa Hiện thực từ trong cuộc tranh luận này. Đồng thời, những người đi theo đường hướng của Chủ nghĩa Tự do bắt đầu những thay đổi căn bản trong việc đi tìm những lý luận và cách tiếp cận mới thay thế cho Chủ nghĩa Lý tưởng và tạo tiền đề cho sự phát triển Chủ nghĩa Tự do Mới sau này. Một trong những ví dụ điển hình là Chủ nghĩa Chức năng của David Mytrany năm 1943 và Chủ nghĩa Chức năng Mới của Ernst Hasse trong thập niên 1950.

Cuộc tranh luận thứ hai diễn ra trong cuối thập niên 1950 và thập niên 1960, không hẳn là cuộc tranh luận giữa các lý thuyết QHQT mà chủ yếu là về cách tiếp cận trong nghiên cứu KHXH. Cuộc tranh luận này diễn ra trong bối cảnh nổi lên của Chủ nghĩa Hành vi trong KHXH. Cuộc tranh luận được biểu tượng hóa bằng sự trao đổi qua các bài viết giữa Hedley Bull (1966) -

người mưu tìm cách bảo vệ cái mà ông ta gọi là “cách tiếp cận cổ điển”, với Morton Kaplan (1966) - người bảo vệ cho cái được gọi là “cách tiếp cận khoa học”. Trong trường hợp khoa học chính trị, đó là cuộc tranh luận về giá trị và tính tương thích của các tiếp cận thực chứng. Cuộc tranh luận diễn ra giữa một bên là những người tin rằng các phương pháp của khoa học tự nhiên có thể được chấp nhận trong nghiên cứu chính trị quốc tế, còn bên kia là những người cho rằng việc nghiên cứu KHXH không nhất thiết phải tuân theo các phương pháp nghiêm ngặt của khoa học tự nhiên.

Cuộc tranh luận đã giúp phát triển lý thuyết QHQT trên ít nhất hai phương diện. Một là, nó đem lại việc chấp nhận và sử dụng rộng rãi các phương pháp khoa học mới. Hai là, nó đóng góp thêm cho lý thuyết QHQT nhiều lý luận mới như lý luận về hệ thống của Morton Kaplan 1957, lý luận về liên lạc và điều khiển học của Karl Deutsch 1953 và 1964, lý thuyết trò chơi của Thomas Schelling 1960, lý luận về hoạch định chính sách của Richard Snyder, H.W. Bruck và Bruton Sapin 1954 và 1962, thuyết phụ thuộc của các nhà Mác xít Mới,...

Cuộc tranh luận thứ ba cũng liên quan nhiều đến lý thuyết QHQT. Cuộc tranh luận này được khởi nguồn đầu tiên trong thập niên 1970 giữa những người theo Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do. Nguyên nhân của cuộc tranh luận này được cho là đến những năm 1970, Chủ nghĩa Hiện thực đã bộc lộ những khiếm khuyết và không giải thích được nhiều xu hướng và vấn đề mới trong QHQT như hợp tác, vai trò của yếu tố kinh tế,... Hai lý thuyết này tranh luận khá nhiều vấn đề như bản chất và hậu quả của tình trạng vô chính phủ, vấn đề hợp tác và hội nhập quốc tế, lợi ích tương đối

hay lợi ích tuyệt đối, ưu tiên gì trong mục đích của quốc gia, dự định hay năng lực, vấn đề thể chế và chế độ,... (Xem: David A. Baldwin, 2009: 10-17).

Sang đến thập niên 1980, khi các cách tiếp cận khác từ một số ngành KHXH được đưa vào QHQT để hình thành các lý thuyết mới thì cuộc tranh luận này đã có thêm sự phê phán Chủ nghĩa Hiện thực từ các lý thuyết mới đó. Nhiều người cho rằng đây là cuộc tranh luận chủ yếu giữa Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Đa nguyên và Chủ nghĩa Cấu trúc. Cuộc tranh luận này khá rộng và đề cập đến nhiều vấn đề lớn trong lý thuyết QHQT như chủ thể, hệ quy chiếu, cách tiếp cận, các yếu tố mới ảnh hưởng đến QHQT. Theo nhiều học giả đánh giá, kết quả của cuộc tranh luận thứ ba này chưa ngã ngũ. Chủ nghĩa Hiện thực bị phê phán nặng nề nhưng vẫn tiếp tục có chỗ đứng trong hệ thống các lý thuyết QHQT.

Cuộc tranh luận thứ ba đóng góp đáng kể cho sự phát triển lý thuyết QHQT. Những khiếm khuyết được chỉ ra trong cuộc tranh luận giữa Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do đã góp phần thúc đẩy hai lý thuyết lớn này có những thay đổi, điều chỉnh và bổ sung để hình thành hai trường phái mới là Chủ nghĩa Hiện thực Mới và Chủ nghĩa Tự do Mới. Cho đến nay, hai trường phái này đã trở thành trường phái chính thống trong hai lý thuyết kể trên và vẫn tiếp tục có ảnh hưởng nhiều trong thực tiễn. Một đóng góp quan trọng khác là cuộc tranh luận đã thúc đẩy sự ra đời của nhiều lý thuyết QHQT mới từ thập kỷ 1980 như Chủ nghĩa Vị nữ, Lý thuyết Phê phán, Lý thuyết hệ thống thế giới của Immanuel Wallerstein... Quá trình này vẫn được tiếp tục trong thập niên 1990 sau Chiến tranh Lạnh như Chủ nghĩa Kiến tạo, Chính trị Xanh,...

Hiện nay mặc dù các tranh luận vẫn đang tiếp tục và trải dài trên nhiều vấn đề lý luận khác nhau của mọi lý thuyết QHQT hiện hành, nhưng vẫn chưa xuất hiện cuộc tranh luận thứ tư. Một số học giả như Peter Katzenstein, Robert Keohane, Stephen Krasner cho rằng có khả năng có cuộc tranh luận thứ tư diễn ra vào đầu thế kỷ XXI mà một trong chủ đề tranh luận chính sẽ là giữa Chủ nghĩa Lý trí và Chủ nghĩa Kiến tạo. Tuy nhiên, cho đến nay, điều này vẫn chưa xảy ra.

Một vài nhận xét về quá trình phát triển của lý thuyết quan hệ quốc tế

Từ quá trình phát triển ở trên, chúng ta có thể rút ra một vài nhận xét sau đây:

Các lý thuyết QHQT đều ra đời từ phương Tây và phát triển cũng chủ yếu ở phương Tây. Điều này được quy định có phần bởi một số phát triển đặc thù ở châu Âu như sau: *Thứ nhất*, QHQT ở châu Âu phát triển sớm hơn và diễn ra liên tục, thường xuyên hơn các nơi khác. QHQT ở đây từ xưa đã phức tạp với đủ xung đột và hợp tác, song phương và đa phương,... Thực tiễn này đặt ra yêu cầu nghiên cứu QHQT từ thời cổ đại. *Thứ hai*, trong quá trình phát triển, các nhà nước ở châu Âu có xu hướng đi ra bên ngoài từ khá sớm với các chủ nghĩa trọng thương, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc cũng như mở cửa và toàn cầu hóa hiện nay. Xu hướng này khá mạnh mẽ nên cũng đặt ra yêu cầu nghiên cứu QHQT theo hướng ngày càng rộng mở. *Thứ ba*, truyền thống phát triển khoa học, trong đó có KHXH cũng như phong cách tư duy đúc kết thành lý thuyết cũng phát triển mạnh ở phương Tây hơn các khu vực khác trên thế giới. Điều này giúp đem lại sự quan tâm tới phát triển lý thuyết và nhờ đó, các lý thuyết dễ hình thành ở đây hơn. Cho đến thời hiện đại, các lý thuyết

QHQT vẫn ra đời và phát triển chủ yếu từ phương Tây. Tất nhiên còn nhiều nguyên nhân khác nhưng đây cũng là lý do lớn tạo nên tình trạng chi phối của lý thuyết phương Tây trong nghiên cứu QHQT. Gần như không có lý thuyết nào được tạo ra từ các nước phương Đông trước kia và các nước đang phát triển ngày nay.

Việc xây dựng các lý thuyết QHQT đều được xây dựng trên cơ sở khoa học. Tính khoa học làm cho các lý thuyết có tính thuyết phục hơn, khả thi hơn và đặc biệt là dễ ứng dụng hơn. Dựa vào cơ sở khoa học và sự phát triển của khoa học, các lý thuyết dễ được phát triển hơn. Ngoài ra, cơ sở khoa học còn giúp các lý thuyết QHQT dễ phổ biến xuyên quốc gia hơn khi “ngôn ngữ” chung nhất trên thế giới chính là khoa học. Nhìn chung, tất cả các lý thuyết QHQT còn tồn tại đến bây giờ đều được xây dựng trên cơ sở khoa học. Các cơ sở khoa học này thường nằm trong triết học, chính trị học, xã hội học, tâm lý học, lịch sử và sau này còn được bổ sung thêm cơ sở khoa học từ các môn khác như kinh tế học, văn hóa học, nhân học,... Lịch sử các lý thuyết QHQT cũng cho thấy, cơ sở khoa học yếu sẽ làm cho các lý thuyết khó phổ biến, không tồn tại lâu và dễ chết yểu. Sở dĩ chúng tôi phải nhắc đến điều này bởi, cho đến nay, ở một số nơi, vẫn có thái độ coi lý thuyết như cái gì đó ít gắn với thực tiễn. Thái độ này dễ dẫn đến cách tư duy dựa theo cảm tính, đề cao kinh nghiệm trong hoạch định và thực thi chính sách đối ngoại.

Các lý thuyết QHQT đều có xu hướng phát triển theo hướng liên ngành, đa ngành. Điều này được quy định bởi thực tế QHQT ngày càng mở rộng ra nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và con

người. Thực tế đó ngày càng được nhận thức và vì thế, đòi hỏi phải có sự bổ sung kiến thức của nhiều ngành khoa học khác nhau trong tìm hiểu QHQT. Điều này đặt ra yêu cầu phát triển đa ngành của các lý thuyết QHQT. Bên cạnh đó, QHQT là ngành ra đời sau, bao hàm nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau nên việc bổ sung, vay mượn tri thức và phương pháp từ các ngành học khác là điều cần thiết. Từ đó đem lại yêu cầu phát triển liên ngành của các lý thuyết QHQT. Ngoài ra, giữa các lĩnh vực này thường có sự tương tác qua lại và ước thúc lẫn nhau. QHQT càng phát triển, sự tương tác giữa các lĩnh vực lại càng tăng. Điều này dẫn đến yêu cầu kết hợp đa-liên ngành trong phát triển lý thuyết QHQT. Nhìn lại quá trình phát triển chung của lý thuyết QHQT cũng như của từng lý thuyết, xu hướng như vậy đều diễn ra. Hiện nay, không một lý thuyết QHQT nào mà không có xu hướng đa ngành, liên ngành. Đồng thời, các lý thuyết QHQT ngày càng được bổ sung thêm các cách tiếp cận và kiến thức của xã hội học chính trị, văn hóa chính trị, kinh tế chính trị quốc tế,... Chính xu hướng này đã góp phần tạo ra xu hướng Quốc tế học với hàm ý đa-liên ngành thay cho QHQT vốn hay được hiểu là thuộc khoa học chính trị. Xu hướng này giúp đem lại khả năng nghiên cứu đầy đủ hơn đối với thực tiễn QHQT ngày càng đa diện.

Việc xây dựng lý thuyết QHQT không chỉ nhằm giải thích quá khứ, hướng dẫn hành động trong hiện tại mà còn để dự báo tương lai. Tất cả các lý thuyết QHQT đều hướng tới mục tiêu này dù quy mô và mức độ có khác nhau. Các lý thuyết lớn như Chủ nghĩa Hiện thực, Chủ nghĩa Tự do hay Chủ nghĩa Kiến tạo đều mưu tìm khả năng giải thích toàn bộ lịch sử QHQT cũng như

đặt cơ sở cho sự tiên nghiệm tương lai, tức là có phạm vi nghiên cứu hay diện giải thích khá rộng và xuyên thời gian. Các lý thuyết nhỏ hơn như Chính trị Xanh, Chủ nghĩa Vị nữ, Lý thuyết Phê phán thì thường chỉ phân tích một phần quá khứ để chỉ ra bất cập, xem xét hiện tại để chỉ ra những thay đổi mới và từ đó đề ra cách tiếp cận mới có tính bổ sung cho tương lai. Phạm vi nghiên cứu hay diện giải thích lịch sử của chúng thường hẹp hơn nhiều so với các lý thuyết lớn. Điều này góp phần tạo ra sự phân biệt lý thuyết lớn, lý thuyết nhỏ trong QHQT. Nhưng điều quan trọng hơn, việc có thể giải thích xuyên thời gian của các lý thuyết lớn cũng góp phần tạo ra khả năng ứng dụng nhiều hơn của chúng so với các lý thuyết nhỏ. Nhìn chung, việc mục tiêu nghiên cứu có tính xuyên thời gian như vậy đã góp phần làm nên tính phổ quát và giá trị ứng dụng của lý thuyết QHQT.

Hầu hết các lý thuyết QHQT ra đời trước năm 1945 đều dựa trên quan điểm duy vật và chú ý đến tính quy luật trong sự vận động QHQT. Có nhiều mức độ khái quát khác nhau trong những lý thuyết này như quy luật, xu hướng QHQT trong từng thời kỳ hoặc các mẫu hình quan hệ trong một số tình huống phổ biến. Các lý thuyết khác nhau thì có cơ sở và chiều hướng quy luật khác nhau. Ví dụ, Chủ nghĩa Hiện thực dựa trên cơ sở đấu tranh quyền lực giữa các quốc gia để nhìn nhận quy luật vận động QHQT theo hình xoáy tròn ốc đi từ xung đột này sang xung đột khác. Chủ nghĩa Tự do dựa trên cơ sở hợp tác sẽ ngày càng tăng và thay thế dần cho xung đột để cho rằng quy luật vận động của QHQT sẽ theo đường thẳng. Sau năm 1945, các lý thuyết này có bổ sung thêm những yếu tố chủ quan nhưng nền tảng duy vật và tính

quy luật là không thay đổi. Trong khi đó, một số lý thuyết mới ra đời từ những năm 1970-1990 thì lại dựa nhiều hơn vào quan điểm duy tâm chủ quan và không đề cao tính quy luật. Ví dụ, Chủ nghĩa Kiến tạo và Lý thuyết Phê phán cho rằng sự thay đổi của nhận thức và các yếu tố liên chủ quan mới là cơ sở quan trọng cho sự vận động của QHQT chứ không phải các quy luật. Con người không phải là nô lệ của hoàn cảnh và nhận thức của con người đang ngày càng phát triển. Do đó, QHQT cũng dễ thay đổi theo và tính quy luật ở đây là không rõ ràng và nếu có thì là khả biến. Nhìn chung, có xu hướng gia tăng yếu tố con người trong các lý thuyết đương đại.

Việc phát triển lý thuyết QHQT thường đi kèm với tư duy phê phán và sự tranh luận. Ba lần sóng phát triển lý thuyết QHQT đều gắn liền với ba cuộc tranh luận lớn như đã trình bày ở trên là minh chứng rõ ràng cho điều này. Dù chỉ có ba cuộc tranh luận lớn nhưng sự phê phán và tranh luận nhỏ diễn ra thường xuyên giữa các lý thuyết gia QHQT. Sự phê phán và tranh luận diễn ra không chỉ giữa các lý thuyết mà cả trong từng lý thuyết. Vì thế, trong đa phần các lý thuyết QHQT, đều tồn tại các trường phái khác nhau. Cũng nhờ tư duy phê phán và sự tranh luận mà các lý thuyết QHQT thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung. Ví dụ, Chủ nghĩa Hiện thực Mới hay Chủ nghĩa Tự do Mới là những trường phái hiện đại được bổ sung nhiều từ sự phê phán của các lý thuyết khác. Nếu Chủ nghĩa Hiện thực Mới ra đời từ sự phê phán của các lý thuyết khác trong thập kỷ 1970 thì Chủ nghĩa Tự do Mới được hình thành nhờ sự phê phán trong *Cuộc tranh luận lần thứ nhất* và được bổ sung nhiều từ sau Chiến tranh Thế giới II. Đáng chú ý, qua tranh luận, phê phán, các lý

thuyết còn có sự tiếp thu lẫn nhau. Ví dụ, hai lý thuyết thuộc loại đối lập nhau nhất là Chủ nghĩa Hiện thực và Chủ nghĩa Tự do vẫn có những điểm chung và những điểm tiếp thu lẫn nhau. Điển hình, Chủ nghĩa Hiện thực Tự do (Liberal Realism) (G. John Ikenberry & Charles A. Kupchan, 2004: 38-49) là một trường phái của Chủ nghĩa Hiện thực nhưng đã tiếp thu nhiều luận điểm của Chủ nghĩa Tự do. Sở dĩ chúng tôi muốn nhắc đến điều này là để nhấn mạnh về thái độ không độc tôn quá mức một lý thuyết nào đó trong giới nghiên cứu QHQT.

Trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển, việc ứng dụng lý thuyết QHQT là khá phổ biến trong khi điều này có phần hạn chế hơn ở các nước đang phát triển. Sự ứng dụng này thể hiện ở việc phối hợp, gắn kết giữa giới hoạch định chính sách và giới nghiên cứu. Lý thuyết QHQT được vận dụng vào cả trong phân tích tình hình, tìm hiểu nguyên nhân, xây dựng chính sách, dự báo,... Về đại thể, việc ứng dụng lý thuyết QHQT có thể được tiến hành dựa trên hai cách thức chính. Một là sử dụng đồng thời nhiều lý thuyết QHQT vào giải thích một xu hướng, sự kiện hay tình huống quan hệ. Do mỗi lý thuyết đứng từ các góc độ và sử dụng cách tiếp cận khác nhau nên cách này giúp phát hiện được nhiều nguyên nhân, điều kiện, yếu tố tác động và các phương diện khác nhau của sự kiện đó. Hai là sử dụng một lý thuyết để xác định bản chất vấn đề, nguyên nhân chủ yếu cùng những gợi ý về cách thức ứng phó. Hiện nay, ở Việt Nam, theo đánh giá sơ bộ của chúng tôi, việc vận dụng lý thuyết QHQT chủ yếu là trong nghiên cứu hơn là trong hoạch định chính sách. Ngay trong việc nghiên cứu thuần túy, sự ứng dụng lý thuyết vẫn còn khá ít ỏi. Ít nhất, việc ứng dụng lý thuyết QHQT có thể

giúp đem lại cái nhìn toàn diện và tầm nhìn dài hạn.

Lý thuyết không phải là lời giải đáp cho mọi tình huống trong QHQT. Thực tiễn vốn đa dạng và phức tạp hơn nhiều. Bản thân các lý thuyết QHQT không phải là hoàn chỉnh và vẫn đang được điều chỉnh, bổ sung. Vì thế, việc ứng dụng lý thuyết QHQT cần kết hợp với kinh nghiệm. Hai cơ sở này sẽ là hai chân đế tốt cho công tác đối ngoại, từ vĩ mô tới vi mô. Như trên đã đề cập, lý thuyết QHQT giúp hiểu được bản chất để tiệm cận tới sự thật, giúp giải thích để tìm ra nguyên nhân, giúp dự báo để đoán định xu hướng và giúp cả kinh nghiệm để chọn lựa biện pháp ứng xử và công cụ thực hiện. Ít nhất, lý thuyết cũng nên được coi là nền tảng để vận dụng kinh nghiệm. Việc lớn như hoạch định hay thực thi chính sách đối ngoại hay việc nhỏ như ứng phó trong tình huống QHQT cụ thể sẽ tốt hơn nhiều nếu dựa vào cả hai. Việc sử dụng chỉ mỗi kinh nghiệm tuy có thể đúng, có thể sai nhưng cũng nên lưu ý về sự hạn chế của việc dựa vào mỗi kinh nghiệm. Kinh nghiệm thường có tính ngắn hạn, thích hợp với tình huống này nhưng không thích hợp với tình huống khác, kinh nghiệm dù tốt nhưng người này áp dụng được nhưng người khác lại không thể.

Lý thuyết là cần thiết nhưng cũng không nên tuyệt đối hóa lý thuyết. Lý thuyết QHQT phụ thuộc vào hai cơ sở. Thứ nhất là phụ thuộc vào tình hình QHQT thực tiễn

vốn luôn thay đổi. Thứ hai là khả năng nhận thức cũng không giống nhau qua từng giai đoạn. Vì thế, lý thuyết QHQT không phải là cái gì bất biến mà luôn cần được thay đổi cho phù hợp với sự thay đổi của cả khách quan và chủ quan □

Tài liệu tham khảo

1. David A. Baldwin (chủ biên, 2009), *Chủ nghĩa Tự do Mới & Chủ nghĩa Hiện thực Mới: Cuộc tranh luận đương đại*, Nxb. Thế giới.
2. Scott Burchill, Richard Devetak, Andrew Linklater, Matthew Paterson, Christian Reus-smit & Jacqui True (2005), *Theories of International Relations*, Palgrave, New York.
3. Reus-Smit, Christian (editor, 2011), *The Oxford Handbook of International Relations*, Oxford University Press.
4. Martin Griffiths (editor, 2007), *International Relations Theory for Twenty-First Century*, Routledge, New York.
5. G. John Ikenberry & Charles A. Kupchan (2004), “Liberal Realism: The Foundations of a Democratic Foreign Policy”, *The National Interest* Fall.
6. Jill Steans & Lloyd Pettiford (2005), *Introduction to International Relations: Perspectives and Themes*, Pearson-Pren-tice Hall, London.
7. Paul R. Viotti & Mark V. Kauppi (2001), *Lý luận Quan hệ quốc tế, Học viện Quan hệ quốc tế*, Hà Nội.